ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 107 /2026/QĐ-UBND	*Lai Châu, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 46/2022/NĐ-CP và Nghị định số 32/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phương thức hỗ trợ

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác trong chăn nuôi (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường) và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác trong chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Quyết định này.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng tiền sau khi đối tượng hoàn thành các nội dung được hỗ trợ và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

Khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, gồm:

1. Các khu vực đã có khu dân cư hiện hữu (chi tiết theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Các khu vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư để triển khai thực hiện, hoặc khu đất đã có thông báo thu hồi đất để xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc đất rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên; đất ở thuộc các dự án (khu đô thị mới, khu tái định cư, khu mở rộng phát triển dân cư); đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; quỹ đất để đấu giá sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Hỗ trợ bố trí quỹ đất

a) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Việc hỗ trợ bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở chăn nuôi tại địa điểm mới do Ủy ban nhân dân xã, phường bố trí, xác định. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% chi phí nhận quyền sử dụng đất để xây dựng cơ sở chăn nuôi tại địa điểm mới; diện tích đất được hỗ trợ xác định theo diện tích thực tế khu vực chuồng nuôi tại địa điểm cũ trước khi di dời, do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; giá

đất làm căn cứ tính hỗ trợ theo bảng giá đất, do cơ quan có thẩm quyền ban hành áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Mức hỗ trợ: đối với cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại không quá 10 triệu đồng/cơ sở; chăn nuôi quy mô nông hộ không quá 05 triệu đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 có hiệu lực thi hành và đang hoạt động.

- Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và xây dựng cơ sở chăn nuôi tại địa điểm mới.

- Địa điểm xây dựng mới phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đồng thời có khoảng cách từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, cộng đồng dân cư, trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 150 mét và đáp ứng các quy định khác của pháp luật về chăn nuôi, thú y, bảo vệ môi trường.

c) Trình tự, thủ tục hỗ trợ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

+ Hợp đồng nhận quyền sử dụng đất; hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí.

- Trình tự, thủ tục:

+ Bước 1 (nộp hồ sơ): Cơ sở chăn nuôi nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở chăn nuôi di dời sau khi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện hỗ trợ.

+ Bước 2 (thẩm định và phê duyệt tại cấp xã):

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định cấp xã, tổ chức kiểm tra thực tế.

Trường hợp đạt yêu cầu: Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và mức kinh phí hỗ trợ.

Trường hợp không đủ điều kiện: Trả lời bằng văn bản cho đối tượng nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

+ Bước 3 (chi trả kinh phí): Trong thời hạn 07 ngày tính từ ngày sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả cho người dân và lưu hồ sơ quyết toán.

2. Hỗ trợ chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi

a) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời.

- Mức hỗ trợ: đối với cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại không quá 300 triệu đồng/cơ sở; chăn nuôi quy mô nông hộ không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ: đáp ứng yêu cầu điều kiện theo điểm b khoản 1 Điều này.

c) Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1 (Tiếp nhận và kiểm tra thực tế): Cơ sở chăn nuôi nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ kiểm tra thực tế (gồm lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, công chức nông nghiệp, địa chính) để xác nhận hiện trạng tháo dỡ chuồng trại cũ, vị trí/diện tích chăn nuôi mới và kiểm tra thực tế máy móc, thiết bị.

+ Bước 2 (Thẩm định và trình phê duyệt tại Ủy ban nhân dân cấp xã): Căn cứ kết quả kiểm tra của Tổ kiểm tra, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng Kinh tế thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ, chứng từ; trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ chi tiết cho từng cơ sở.

+ Bước 3 (Chi trả kinh phí): Trong thời hạn 07 ngày tính từ ngày sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả cho người dân và lưu hồ sơ quyết toán.

3. Hỗ trợ chi phí di dời vật nuôi

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; chi phí di dời được xác định theo khoản 5 Điều 7 Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa đối với cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại không quá 10 triệu đồng/cơ sở; đối với chăn nuôi quy mô nông hộ không quá 05 triệu đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ: đáp ứng yêu cầu điều kiện theo điểm b khoản 1 Điều này.

c) Trình tự, thủ tục hỗ trợ: thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều này.

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi nghề

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tháng lương tối thiểu theo vùng/người. Hỗ trợ tối đa 01 người/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Cơ sở nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi, hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành và ngừng hoạt động chăn nuôi để chuyển đổi ngành nghề có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Người được đào tạo, tập huấn phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.

c) Trình tự, thủ tục hỗ trợ: thực hiện theo khoản 3 Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 4. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được bố trí từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này.

- Tổng hợp và thẩm định nhu cầu kinh phí hỗ trợ từ Ủy ban nhân dân các xã, phường gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí theo quy định.

- Định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất), tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; rà soát danh mục khu vực không được phép chăn nuôi; chủ trì tháo gỡ hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Rà soát, xác định, hỗ trợ bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở chăn nuôi mới cho các đối tượng trong diện phải di dời; xác định chi tiết vị trí, ranh giới địa điểm khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này trên địa bàn quản lý. Xây dựng kế hoạch quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động chăn nuôi trên địa bàn; không để phát sinh cơ sở chăn nuôi mới tại các khu vực không được phép chăn nuôi.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quyết định này; việc xác định nghĩa vụ và xử lý đối với các cơ sở chăn nuôi thực hiện theo quy định của Luật Chăn nuôi và pháp luật có liên quan.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ trên địa bàn quản lý, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ theo quy định.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các quy định về khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động chăn nuôi trên địa bàn.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động chăn nuôi tại địa phương; không để phát sinh cơ sở chăn nuôi mới hoặc mở rộng quy mô chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện việc di dời; tiếp nhận, kiểm tra và hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ; bố trí, chi trả kinh phí hỗ trợ công khai, minh bạch; thực hiện thanh toán, quyết toán theo đúng quy định.

- Định kỳ hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường; định kỳ rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung khu vực không được phép chăn nuôi phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2026.

2. Các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi đang hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực, phải hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi chậm nhất trước ngày 31 tháng 12 năm 2028.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 4 Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lai Châu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Hà Trọng Hải

Phụ lục

KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND, ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Xã, phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
1	Phường Tân Phong	- Các Tổ dân phố số 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12. - Tổ dân phố số 5 (trừ khu vực đồi chè nhóm 4, đường đi bản Cư Nhà La phường Đoàn Kết, khu vực đồi chè phía bắc đường Trường Chinh đi vào). - Tổ dân phố 15 (trừ khu vực từ Trung đoàn 880 kéo dài xuống đường đi Đông Pao). - Tổ dân phố số 8 (trừ khu vực phía bắc đường Trường Chinh đi vào). - Bản Sin Chải (trừ khu vực rừng Cấm của bản kéo dài xuống phía suối Nậm Con Gin, phía bắc khu đồi chè bên dưới Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh). - Bản Tả Làn Than (trừ khu vực phía Tây kéo dài xuống khu ruộng bản Phan Chu Hoa).
2	Phường Đoàn Kết	- Các Tổ dân phố số 1, 2. - Tổ dân phố số 3: Nhóm dân cư số 1, 2 của tổ dân phố số 5 (cũ); nhóm dân cư số 1 của tổ dân phố số 6 (cũ); tổ dân phố số 7 (cũ). - Tổ dân phố số 4: Nhóm dân cư số 1, 2, 3 và dọc đường 19/8 nhóm dân cư số 4 của tổ dân phố số 8 (cũ); tổ dân phố số 9 (cũ); nhóm dân cư số 1, 2, 4 của tổ dân phố số 12 (cũ). - Tổ dân phố số 5: Nhóm dân cư số 1, 2, 3, 4 của tổ dân phố số 10 (cũ); nhóm dân cư số 2, 3, 6, 7 của tổ dân phố số 11 (cũ). - Tổ dân phố số 6: Nhóm dân cư số 1, 3, 4, 5, 6 của tổ dân phố Quyết Tiến 5 (cũ); tổ dân phố Quyết Tiến 6 (cũ). - Tổ dân phố số 7: Nhóm dân cư số 2, 3, 4, 6 của tổ dân phố Quyết Tiến 3 (cũ). - Tổ dân phố số 8: Khu dân cư mới dọc kênh mương số 2 đến đường Võ Nguyên Giáp của tổ dân phố Séo Làn Than (cũ); Tổ dân phố Quyết Tiến 7 (cũ); nhóm dân cư số 2 của tổ dân phố số 12 (cũ). - Tổ dân phố số 9: khu dân cư dọc kênh mương số 2 đến chân đồi chè của tổ dân phố Quyết Thắng 9 (cũ); tổ dân phố Quyết Tiến 8 (cũ).

TT	Xã, phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Tổ dân phố Nậm Loỏng: Khu dân cư dọc đường Võ Nguyên Giáp thuộc tổ dân phố Bản Màng, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 (cũ); tổ dân phố Nậm Loỏng 3 (cũ).
3	Xã Bình Lư	- Thôn Đoàn Kết (Bản Trung Tâm cũ). - Thôn Tam Đường (Bản Hô Ta cũ). - Bản Mường Cấu (Bản Mường Cấu và Nậm Tường cũ).
4	Xã Tân Uyên	- Các thôn 21, thôn 15. - Thôn 2 (trừ khu vực từ số nhà 073 đường Nguyễn Hữu Thọ đi bản Nà Ban). - Thôn 32: Gồm dân cư dọc tuyến và các cụm dân cư trong tuyến nhánh giáp ranh với các tuyến phố sau: + Dọc đường Lê Lợi (Quốc lộ 32). + Phố Đặng Thùy Trâm từ số nhà 085 đến đường Lê Lợi. + Phố Đặng Thùy Trâm từ số nhà 090 đến đường Lê Lợi. + Đường Nguyễn Trãi từ nhà văn hóa thôn đến đường Lê Lợi. + Phố Phạm Ngọc Thạch: Điểm đầu đường Lê Lợi; điểm cuối phố Đặng Thùy Trâm. - Thôn 17: Dọc tuyến đường Võ Nguyên Giáp giao cắt đường 7/3. - Thôn 26: + Đường Lê Lợi dọc 2 bên đường (Quốc lộ 32): Từ ngã tư đường Lê Lợi giao cắt đường Trần Hưng Đạo với Phạm Văn Đồng đến ngã 5 vòng xuyến (phố Hồ Xuân Hương). + Điểm đầu Phố Chu Văn An đến phố Hồ Xuân Hương (bao gồm các cụm dân trong vùng giáp ranh với các tuyến phố).
5	Xã Than Uyên	Các Tổ dân phố số 1, 2, 3, 5, bản Cang Cai. Cụ thể: - Đường Điện Biên Phủ (dọc 2 bên đường Quốc lộ 32): Điểm đầu từ giáp ranh bản Cẩm Trung; điểm cuối đến giáp bản Cang Cai. - Đường 15/10: Điểm đầu từ Quốc lộ 32 (Phố đi bộ); điểm cuối đến Quốc lộ 32 (Giáp UBND thị trấn cũ). - Đường Thanh Niên: Điểm đầu từ Trụ sở Công an xã; điểm cuối trường THPT Than Uyên. - Đường Bế Văn Đàn: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến Hồ Khu 9. - Phố Lương Định Của: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến đường Nguyễn Chí Thanh. - Đường Nguyễn Chí Thanh: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến cổng Ban chỉ huy Quân sự xã. - Phố Hoàng Liên: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến đường Phố Phạm Ngọc Thạch.

TT	Xã, phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Phố Chu Văn An: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến đường Phố Phạm Ngọc Thạch. - Phố Tôn Thất Tùng: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến đập tràn (Hồ trung tâm xã). - Phố Lý Tự Trọng: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến trường THPT Than Uyên. - Phố Trần Quốc Mạnh: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến đường Thanh Niên. - Phố Trần Huy Liệu: Điểm đầu từ Quốc lộ 32; điểm cuối đến hết đường khu dân cư tổ dân phố 5 (Khu 8 cũ).
6	Xã Phong Thổ	Các Tổ dân phố: Pa So (trừ bản Nậm Pậy cũ); Hữu Nghị (trừ thôn Đoàn Kết cũ) và Thôn Tây Nguyên.
7	Xã Sìn Hồ	- Các Thôn 3, 4. - Thôn 5 (trừ khu vực bản Sìn Hồ Vây cũ).
8	Xã Nậm Hàng	- Bản Nậm Nhùn: Từ đầu cầu Nậm Nhùn dọc theo QL 127 đến hết bản Nậm Nhùn, đi ngược vào xã Mường Mô. - Bản Pá Kéo: Từ đầu đường Trường Chinh đến đầu cầu Nậm Bắc.
9	Xã Bum Tở	- Thôn 12: dọc theo tuyến đường Võ Nguyên Giáp (từ số nhà 002 đường Võ Nguyên Giáp đến số nhà 062 đường Võ Nguyên Giáp). - Thôn 8: từ khu vực cổng bến xe khách chạy dọc theo đường Điện Biên Phủ (từ số nhà 248 đến số nhà 278 đường Điện Biên Phủ).